

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TRUNG TÂM KỸ THUẬT CỤC TIÊU CHUẨN
ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

C.V. Số: 354
ĐEN Ngày: 20/3/20
Số: 499 /TĐC - HCHQ
Chuyển: NV1, NV2, NV3, NV4

MCP1, BM

B6P

Ahu

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG CHỨNG NHẬN

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp;

Căn cứ Quyết định số 08/2019/QĐ-TTg ngày 15 tháng 02 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Đánh giá hợp chuẩn và hợp quy, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chứng nhận:

1. Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1

Địa chỉ trụ sở: Số 8 Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 0243.8360.289

Fax: 0243.8361.199

Email: thitruong@quatest1.com.vn

Đã đăng ký hoạt động chứng nhận **tổng hợp đa ngành** trong lĩnh vực chứng nhận Chất lượng sản phẩm, hàng hóa phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

Danh mục cụ thể lĩnh vực đăng ký hoạt động chứng nhận trong Phụ lục kèm theo giấy chứng nhận này.

2. Số đăng ký: 53/CN - TĐC.

3. Giấy chứng nhận được cấp lần năm (05) và có hiệu lực đến ngày 06/02/2023./.

Nơi nhận:

- Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1;
- Bộ KH&CN (đề b/c);
- Lưu: VT, HCHQ.

TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Hoàng Linh

**DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM, HÀNG HÓA VÀ TIÊU CHUẨN, QUY ĐỊNH
KỸ THUẬT TƯƠNG ỨNG ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG CHỨNG NHẬN**
*(Ban hành kèm theo Giấy chứng nhận số 799/TĐC-HCHQ ngày 19/3/2020
của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng)*

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tên tiêu chuẩn, quy định kỹ thuật áp dụng
I	Sản phẩm thép không gỉ (Danh mục sản phẩm theo Phụ lục ban hành kèm theo QCVN 20:2019/BKHCN)	
1	Các sản phẩm của thép không gỉ cán phẳng, có chiều rộng dưới 600 mm	<ul style="list-style-type: none"> - Các quy định kỹ thuật và quản lý tại QCVN 20:2019/BKHCN
2	Các sản phẩm của thép không gỉ cán phẳng, có chiều rộng từ 600 mm trở lên	<ul style="list-style-type: none"> - Các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến sản phẩm để quản lý
3	Thanh và que thép không gỉ được cán nóng, dạng cuộn cuốn không đều	<ul style="list-style-type: none"> - Tiêu chuẩn công bố áp dụng (phải là tiêu chuẩn quốc gia Việt Nam (TCVN), tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn quốc gia nước ngoài, tiêu chuẩn ASTM, tiêu chuẩn SAE)
4	Thép không gỉ ở dạng thanh và que khác; thép không gỉ ở dạng góc, khuôn và hình khác	
5	Dây thép không gỉ	
II	Thép cốt bê tông (Thép cốt bê tông, thép cốt bê tông dự ứng lực và thép phủ epoxy làm cốt bê tông (Danh mục sản phẩm theo Phụ lục ban hành kèm theo QCVN 7:2019/BKHCN))	
6	Sắt hoặc thép không hợp kim, dạng thanh và que, ở dạng cuộn cuốn không đều, được cán nóng.	
7	Sắt hoặc thép không hợp kim ở dạng thanh và que khác, chưa được gia công quá mức rèn, cán nóng, kéo nóng hoặc ép đùn nóng, nhưng kể cả những dạng này được xoắn sau khi cán	<ul style="list-style-type: none"> - Các quy định kỹ thuật và quản lý tại QCVN 7:2019/BKHCN
8	Sắt hoặc thép không hợp kim ở dạng thanh và que khác	<ul style="list-style-type: none"> - Các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến sản phẩm để quản lý
9	Dây của sắt hoặc thép không hợp kim	<ul style="list-style-type: none"> - Tiêu chuẩn công bố áp dụng (là tiêu chuẩn quốc gia (TCVN), tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn quốc gia các nước ASEAN, tiêu chuẩn BS, ASTM, GOST, JIS, KS, GB, IS, CNS)
10	Dây bện tao, thừng, cáp, băng tết, dây treo và các loại tương tự, băng sắt hoặc thép, chưa cách điện	

ký

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tên tiêu chuẩn, quy định kỹ thuật áp dụng
III	Đồ chơi trẻ em (<i>Danh mục sản phẩm theo Phụ lục 1 ban hành kèm theo QCVN 3:2019/BKHCN</i>)	
11	Xe đạp đồ chơi: xe ba bánh, xe đẩy, xe có bàn đạp và đồ chơi tương tự có bánh, xe của búp bê	
12	Búp bê có hoặc không có trang phục	
13	Bộ phận và phụ kiện: Quần áo và phụ kiện quần áo; giày và mũ	
14	Loại khác (Bộ phận và phụ kiện của Búp bê)	
15	Xe điện, kề cá đường ray, đèn hiệu và các phụ kiện khác của chúng	
16	Các mô hình thu nhỏ theo tỷ lệ (scale) và các mô hình giải trí tương tự, có hoặc không vận hành	
17	Đồ chơi và bộ đồ chơi xây dựng khác, bằng mọi loại vật liệu trừ nhựa (plastic)	<ul style="list-style-type: none"> - Các quy định kỹ thuật và quản lý tại QCVN 3:2019/BKHCN
18	Đồ chơi hình con vật hoặc sinh vật không phải hình người	<ul style="list-style-type: none"> - Các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến sản phẩm để quản lý
19	Các loại đồ chơi đồ trí (puzzles)	
20	Đồ chơi, xếp khôi hoặc cắt rời hình chữ số, chữ cái hoặc hình con vật; bộ xếp chữ; bộ đồ chơi tạo chữ và tập nói; bộ đồ chơi in hình; bộ đồ chơi đếm (abaci); máy may đồ chơi; máy chữ đồ chơi	
21	Dây nhảy	
22	Hòn bi	
23	Các đồ chơi khác bằng cao su	
24	Loại khác (Sản phẩm hoặc vật liệu bất kỳ được thiết kế hoặc được nêu rõ để sử dụng cho trẻ nhỏ hơn 16 tuổi sử dụng khi chơi)	
IV	Vật liệu xây dựng (<i>Danh mục sản phẩm theo Bảng 1, Phần 2 tại QCVN 16:2019/BXD</i>)	
25	Xi măng, phụ gia cho xi măng và bê tông; Xi măng poóc lăng	<ul style="list-style-type: none"> - Các quy định kỹ thuật và quản lý tại QCVN 16:2019/BXD
26	Xi măng poóc lăng khác: <ul style="list-style-type: none"> - Xi măng poóc lăng hỗn hợp - Xi măng poóc lăng bền sun phát - Xi măng poóc lăng hỗn hợp bền sun phát 	<ul style="list-style-type: none"> - Các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến sản phẩm để quản lý - Tiêu chuẩn công bố áp dụng

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tên tiêu chuẩn, quy định kỹ thuật áp dụng
27	Thạch cao phospho dùng để sản xuất xi măng	
28	Xi hạt lò cao (<i>Xi hạt lò cao dùng để sản xuất xi măng</i>)	
29	Tro bay: - Tro bay dùng cho bê tông và vữa xây - Tro bay dùng cho xi măng	
30	Cốt liệu cho bê tông và vữa: - Cát tự nhiên dùng cho bê tông và vữa - Cốt liệu lớn (Đá dăm, sỏi và sỏi dăm) dùng cho bê tông và vữa	
31	Cát nghiền cho bê tông và vữa	
32	Gạch gốm ốp lát	
33	Đá ốp lát tự nhiên	
34	Đá ốp lát nhân tạo trên cơ sở chất kết dính hữu cơ	
35	Gạch đất sét nung	
36	Gạch bê tông	
37	Sản phẩm bê tông khí chung áp	
38	Tấm tường rỗng bê tông đúc sẵn theo công nghệ đùn ép	- Các quy định kỹ thuật và quản lý tại QCVN 16:2019/BXD - Các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến sản phẩm để quản lý
39	Kính xây dựng: - Kính nổi - Kính phẳng tối nhiệt - Kính dán nhiều lớp và kính dán an toàn nhiều lớp - Kính hộp gắn kín cách nhiệt	- Tiêu chuẩn công bố áp dụng
40	Vật liệu xây dựng khác: - Tấm sóng amiăng xi măng - Amiăng crizotin để sản xuất tấm sóng amiăng xi măng - Tấm thạch cao và Panel thạch cao có sợi gia cường - Sơn tường dạng nhũ tương - Thanh định hình (profile) nhôm và hợp kim nhôm - Thanh định hình (profile) poly (vinyl clorua) không hóa dẻo (PVC-U) dùng để chế tạo cửa sổ và cửa đi	

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tên tiêu chuẩn, quy định kỹ thuật áp dụng
41	<p>Các loại ống:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ống và phụ tùng Polyetylen (PE) dùng cho mục đích cấp nước và thoát nước - Ống và phụ tùng nhựa Polypropylen (PP) dùng cho mục đích cấp và thoát nước - Ống và phụ tùng Polyvinyl clorua không hóa dẻo (PVC-U) dùng cho mục đích cấp và thoát nước - Ống và phụ tùng bằng chất dẻo (PVC-U; PP; PE) thành kết cấu dùng cho mục đích thoát nước chôn ngầm trong điều kiện không chịu áp - Hệ thống ống nhựa nhiệt rắn gia cường bằng sợi thủy tinh trên cơ sở nhựa polyeste không no (GRP) sử dụng trong cấp nước chịu áp và không chịu áp 	<ul style="list-style-type: none"> - Các quy định kỹ thuật và quản lý tại QCVN 16:2019/BXD - Các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến sản phẩm để quản lý - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
V	Phân bón các loại (Danh mục sản phẩm theo Mục 22 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 15/2018/TT-BNNPTNT)	
42	<p>Phân bón gốc thực vật hoặc động vật, đã hoặc chưa pha trộn với nhau hoặc qua xử lý hóa học; phân bón sản xuất bằng cách pha trộn hoặc xử lý hóa học các sản phẩm động vật hoặc thực vật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguồn gốc chỉ từ thực vật - Loại khác: <ul style="list-style-type: none"> + Nguồn gốc từ động vật (trừ phân chim, dơi), đã qua xử lý hóa học + Loại khác 	<ul style="list-style-type: none"> - Các quy định kỹ thuật và quản lý tại QCVN 01-189:2019/BNNPTNT - Các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến sản phẩm để quản lý - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
43	<p>Phân khoáng hoặc phân hóa học, có chứa nito:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Urê, có hoặc không ở trong dung dịch nước - Amoni sulphat; muối kép và hỗn hợp của amoni sulphat và amoni nitrat: <ul style="list-style-type: none"> + Amoni sulphat + Loại khác - Amoni nitrat, có hoặc không ở 	<ul style="list-style-type: none"> - Các quy định kỹ thuật và quản lý tại QCVN 01-189:2019/BNNPTNT - Các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến sản phẩm để quản lý - Tiêu chuẩn công bố áp dụng

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tên tiêu chuẩn, quy định kỹ thuật áp dụng
	trong dung dịch nước - Hỗn hợp của amoni nitrat với canxi carbonat hoặc các chất vô cơ khác không phải phân bón - Natri nitrat - Muối kép và hỗn hợp của canxi nitrat và amoni nitrat - Hỗn hợp urê và amoni nitrat ở trong dung dịch nước hoặc dung dịch ammoniac - Loại khác, kể cả hỗn hợp chưa được chi tiết trong các phân nhóm trước	- Các quy định kỹ thuật và quản lý tại QCVN 01-189:2019/BNNPTNT - Các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến sản phẩm để quản lý - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
44	Phân khoáng hoặc phân hóa học, có chứa phosphat (phân lân): - Suprophosphate - Chứa diphosphorus pentaoxide (P_2O_5) từ 35% trở lên tính theo trọng lượng - Loại khác - Phân phosphat đã nung (SEN)	- Các quy định kỹ thuật và quản lý tại QCVN 01-189:2019/BNNPTNT - Các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến sản phẩm để quản lý - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
45	Phân khoáng hoặc phân hóa học, có chứa kali: - Kali clorua - Kali sulphat - Loại khác	
46	Phân khoáng hoặc phân hóa học chứa hai hoặc ba nguyên tố cấu thành phân bón là nito, phospho và kali; phân bón khác; các mặt hàng tương ứng ở dạng viên (tablet) hoặc các dạng tương tự hoặc đóng gói với trọng lượng cá bì không quá 10 kg: - Suprophosphate và phân phosphat đã nung - Phân khoáng hoặc phân hóa học có chứa hai hoặc ba trong số các nguyên tố cấu thành phân bón là nito, phospho và kali - Phân khoáng hoặc phân hóa học có chứa ba nguyên tố cấu thành phân bón là nito, phospho và kali - Diamoni hydro orthophosphate (diamoni phosphat)	

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tên tiêu chuẩn, quy định kỹ thuật áp dụng
	<ul style="list-style-type: none"> - Amoni dihydro orthophosphat (monoamoni phosphat) và hỗn hợp của nó với diamoni hydro orthophosphat (diamoni phosphat) - Phân khoáng hoặc phân hóa học khác có chứa hai nguyên tố cấu thành phân bón là nitơ và phospho - Chứa nitrat và phosphat - Phân khoáng hoặc phân hóa học có chứa hai nguyên tố cấu thành phân bón là phospho và kali - Loại khác 	

Ghi chú:

Đối với những đối tượng chứng nhận thuộc phạm vi điều chỉnh của các văn bản quy phạm pháp luật do Bộ quản lý ngành, lĩnh vực ban hành, Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1 phải tuân thủ các quy định của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực tương ứng trước khi thực hiện./.

kg

